

VỀ CƠ CẤU QUY PHẠM PHÁP LUẬT, MỐI QUAN HỆ GIỮA QUY PHẠM HÀNH VI VÀ QUY PHẠM CHỦ ĐẠO, NGUYÊN TẮC

Hoàng Thị Kim Quế^(*)

Quy phạm pháp luật là một trong những vấn đề lý luận cơ bản, vô cùng phức tạp của lý luận pháp luật và thực tiễn nhận thức, vận dụng pháp luật. Xây dựng ý thức và lối sống tuân theo pháp luật cần đến nhiều điều kiện, giải pháp, trong đó không thể thiếu được sự hiểu đúng đắn, thống nhất các quy phạm pháp luật. Pháp luật, văn bản pháp luật đều là những cái chung so với cái riêng đơn lẻ là từng quy phạm pháp luật. Sự rõ ràng, minh bạch, phổ thông, dễ hiểu, dễ vận dụng là điều đặc biệt quan trọng trong việc xây dựng và thực hiện pháp luật.

Mỗi một quy phạm pháp luật với tư cách là những tế bào cấu thành nên pháp luật có nội dung thể hiện chức năng điều chỉnh hành vi, do vậy phải có cấu trúc xác định. Quy phạm pháp luật, là một hiện tượng rộng, đa dạng, nhiều nghĩa nhưng đồng thời cũng là hiện tượng cụ thể xét về nội dung. Chỉ xét riêng về mặt lôgic, cấu trúc của một quy phạm pháp luật gồm ba bộ phận: thông tin về một trạng thái hoạt động, thông tin về các điều kiện hoạt động và thông tin về hậu quả của việc vi phạm quy phạm đó. Tuy nhiên, trong từng quy phạm cụ thể, cấu trúc ba bộ phận đó không phải bao giờ cũng được nêu đầy đủ, thông thường, không nêu trực tiếp hậu quả của sự không thực hiện ngay trong quy phạm đó

mà được hiểu bằng cả hệ thống các hậu quả có thể phát sinh đặc trưng cho loại quy phạm xã hội tương ứng.

Trong lý luận pháp luật từ trước đến nay, đã tồn tại các trường phái khác nhau về cơ cấu của quy phạm pháp luật. Về cơ bản có hai loại trường phái chính: cơ cấu ba bộ phận và cơ cấu hai bộ phận cấu thành. Theo trường phái thứ nhất, trong một quy phạm pháp luật chỉ có hai bộ phận là quy định và chế tài. Theo trường phái thứ hai, một quy phạm pháp luật có ba bộ phận: giả định, quy định, chế tài [2; tr.131-135].

Các trường phái đó đều thống nhất về quan niệm giả định, quy định và chế tài, chỉ khác nhau về cơ cấu hai hay ba bộ phận cấu thành của quy phạm pháp luật mà thôi.

- Giả định

Giả định là bộ phận của quy phạm quy định địa điểm, thời gian, chủ thể, hoàn cảnh, tình huống mà khi xảy ra trong thực tế cuộc sống thì cần phải thực hiện quy phạm pháp luật, tức là xác định môi trường – phạm vi tác động của quy phạm pháp luật.

- Quy định

Quy định là bộ phận của quy phạm pháp luật xác định những cách xử sự mà

(*) PGS. TS, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội.

các chủ thể phải tuân theo khi gặp hoàn cảnh đã nêu trong giả định của quy phạm pháp luật đó. Quy định là bộ phận trung tâm của quy phạm pháp luật, bởi chính đây là bản thân quy tắc hành vi thể hiện ý chí- mệnh lệnh của nhà nước mà các chủ thể phải thực hiện khi gặp những tình huống dự liệu trong bộ phận giả định. Về cơ bản, quy định nêu những hành vi phải làm hay hành vi được phép làm, hành vi bị cấm đối với các chủ thể khi gặp các trường hợp đã nêu ở giả định.

Trong pháp luật hình sự, pháp luật hành chính về xử lý vi phạm, thông thường, bộ phận quy định chính là phần của điều luật về mô tả cấu thành tội phạm hay cấu thành vi phạm pháp luật hành chính. Bản thân phần mô tả này đã nói lên yêu cầu của nhà nước đối với mọi chủ thể là không được thực hiện những hành vi đó, những hành vi nguy hiểm ở những mức độ nhất định cho xã hội, trái pháp luật và trái đạo đức xã hội, nghĩa là những hành vi bị cấm.

- Chế tài

Là bộ phận quy phạm pháp luật nêu lên những biện pháp tác động của nhà nước dự kiến áp dụng đối với chủ thể không thực hiện hoặc thực hiện không đúng với mệnh lệnh của nhà nước đã nêu trong phần quy định của quy phạm pháp luật. Thông thường chế tài được hiểu là biện pháp cưỡng chế được áp dụng đối với chủ thể vi phạm quy phạm pháp luật. Tuy nhiên, cưỡng chế pháp luật còn có nội dung hơn, được áp dụng kể cả trong những trường hợp không do căn nguyên vi phạm pháp luật mà xuất phát từ yêu

cầu, mục đích bảo vệ trật tự công cộng, lợi ích cộng đồng và xã hội.

Nói một cách ngắn gọn nhất là: nếu có những tình huống, hoàn cảnh nhất định (giả định), thì con người ta sẽ phải xử sự như thế nào theo ý chí nhà nước (quy định), trường hợp không xử sự đúng yêu cầu đó thì chủ thể sẽ phải chịu hậu quả bất lợi nào (chế tài).

Nhận xét về hai trường phái trên

Thực ra, cả hai trường phái trên đều có những hạt nhân hợp lý. Xét về mặt hình thức thể hiện trên thực tế, quan điểm cơ cấu hai bộ phận: quy định và chế tài là cách hiểu phổ thông nhất. Nghĩa là các cá nhân tiếp nhận pháp luật, thông thường quan tâm đến hai điều: pháp luật quy định như thế nào: ai phải đóng thuế và mức đóng là bao nhiêu và hình thức xử phạt nếu vi phạm. Người ta cũng ít hoặc không quan tâm đến việc xác định đâu là giả định, đâu là quy định. Cả hai bộ phận cấu thành về mặt lôgic đó của quy phạm pháp luật: giả định và quy định được cá nhân thực hành pháp luật quy về một vấn đề là “quy định”.

Còn trường phái thứ hai - một quy phạm pháp luật có ba bộ phận: giả định, quy định và chế tài xem ra có nhiều hạt nhân hợp lý hơn, đầy đủ và lôgic hơn cả về lý luận, về xây dựng và thực hành quy phạm pháp luật. Theo chúng tôi, xét về mặt lôgic, về chức năng chung của pháp luật nói chung, của quy phạm pháp luật nói riêng thì cơ cấu ba bộ phận trong quy phạm pháp luật có tính hợp lý cao hơn. Đây chính là cơ cấu lập pháp - lôgic của quy phạm pháp luật, thể hiện mục đích,

yêu cầu của điều chỉnh pháp luật đối với các quan hệ xã hội: dự liệu tình huống, xác định yêu cầu, phương án xử sự trong tình huống giả định đó, các biện pháp tác động - sự phản ứng của nhà nước nếu không tuân thủ yêu cầu đã được xác định. Trường phái thứ hai là quan điểm phổ biến được thừa nhận chung [1; tr.380-391]. Quy phạm pháp luật dù có những đặc trưng riêng biệt song cũng có nhiều điểm tương đồng thống nhất với các loại quy phạm xã hội khác. Kết cấu bên trong của quy phạm pháp luật, sự phân chia thành các bộ phận cấu thành và mối liên hệ giữa các bộ phận cấu thành đó chính là cơ cấu - chính xác hơn là cơ cấu lôgic của quy phạm pháp luật. Giả định có sự liên hệ tất yếu với quy định, quy định - với chế tài và ngược lại.

Có người quan niệm rằng, phải chăng, cơ cấu lôgic của quy phạm pháp luật - có ba bộ phận có thể chỉ là sự thiết kế, lý giải của nhà nghiên cứu, nhà áp dụng pháp luật chứ có thể không phải là của nhà lập pháp. Khi người vận dụng các quy phạm pháp luật, điều quan trọng là họ có thể hiểu được và vận dụng được. Theo chúng tôi, quan niệm này chưa hoàn toàn hợp lý. Vấn đề cơ cấu, phương thức thể hiện quy phạm pháp luật không chỉ thuần túy là vấn đề học thuật, là công việc của các nhà lý luận hay nhà áp dụng pháp luật. Đây thực sự là công việc của các nhà làm luật, và là một trong những vấn đề thuộc kỹ thuật pháp lý, rất thiết thực cho việc hiểu, nhận thức và thực hành quy phạm pháp luật đúng đắn, chính xác nếu như quy phạm pháp luật tương ứng có đủ ba bộ phận cấu

thành. Thực ra, nếu nhà lập pháp (nói theo nghĩa rộng, chỉ các nhà xây dựng, ban hành các văn bản pháp luật nói chung) thể hiện đầy đủ, rành mạch, tách bạch trong các quy phạm pháp luật ba bộ phận: giả định, quy định, chế tài là hợp lý nhất để thuận lợi cho việc tìm hiểu, nhận thức và áp dụng pháp luật đúng đắn.

Cấu lôgic của quy phạm pháp luật: giả định - quy định - chế tài, có thể minh họa như sau:

Công thức chung của QPPL:
Nếu - thì - mà khác thì sẽ ...

Xét về phương diện chức năng của quy phạm pháp luật, chỉ khi nào có ba bộ phận trong sự thống nhất - thì mới thiết lập đầy đủ một quy phạm hành vi. Thiếu giả định - quy phạm không có ý nghĩa, thiếu quy định - không tồn tại, thiếu chế tài - không có sức mạnh hiệu lực. Như vậy, cơ cấu của quy phạm pháp luật như là một mối liên hệ lôgic của giả định, quy định, chế tài. Giả định thể hiện năng lực và kỹ năng dự liệu các tình huống có thể xảy ra trong đời sống và đưa vào quy phạm pháp luật. Quy định thể hiện sự cụ thể hoá chính sách pháp luật vào từng trường hợp - tình huống dự liệu đó nhưng dưới dạng các điều cấm, bắt buộc thực hiện hay cho phép, kể cả những phương án lựa chọn hành vi. Chế tài thể hiện tình răn đe, chính sách xử lý chủ thể vi phạm quy phạm pháp luật dưới dạng các biện pháp cưỡng chế cụ thể. Chế tài phải đủ độ răn đe, đủ độ nghiêm khắc và khả năng phòng ngừa giáo dục chung và riêng.

Về cách thức thể hiện (diễn đạt), nguyên tắc chung là như vậy, tuy nhiên,

xuất phát từ yêu cầu của kỹ thuật pháp lý và thực trạng của đời sống xã hội mà nhà làm luật có thể sử dụng kết hợp, linh hoạt nhiều cách thức khác nhau. Nhưng dù được thể hiện theo nhiều cách thức khác nhau điều quan trọng là phải đảm bảo sự thuận tiện nhất cho việc hiểu và vận dụng quy phạm pháp luật, đảm bảo được yêu cầu, mục đích của pháp luật nói chung. Và ở đây có vấn đề tương quan giữa quy phạm pháp luật với điều luật trong văn bản quy phạm pháp luật. Trên thực tế, không phải bao giờ quy phạm pháp luật cũng có đầy đủ các bộ phận cấu thành nêu trên. cũng đều được thể hiện đầy đủ, trực tiếp trong quy phạm pháp luật. Chế tài có khi được xác định trực tiếp trong quy phạm pháp luật như trong bộ luật hình sự, có khi được nêu chung cho nhiều quy phạm pháp luật ở một văn bản quy phạm pháp luật như trong các văn bản pháp luật về xử lý vi phạm hành chính vv... Nhiều trường hợp, chế tài được chỉ dẫn ở những văn bản pháp luật khác, hoặc rộng hơn là “theo pháp luật hiện hành”... Điều này xuất phát từ lý do, đối với những loại quan hệ xã hội có cùng tính chất, đặc điểm chung có thể áp dụng một loại chế tài, không nhất thiết và không cần thiết phải ghi lại chế tài cùng loại vào từng quy phạm pháp luật. Ví như về xử lý vi phạm hành chính trong các lĩnh vực kinh tế, văn hoá, xã hội. Lĩnh vực tội phạm và hình phạt, phương thức thể hiện này không được đặt ra.

Về chế tài, trong lý luận đôi khi cũng có một quan niệm khác nhau, rộng hơn quan niệm truyền thống. Quan niệm

chung, chế tài là hậu quả pháp lý xuất hiện khi có sự vi phạm quy phạm pháp luật. Một quan niệm khác, *chế tài nên hiểu theo nghĩa rộng, bao gồm tất cả các biện pháp đảm bảo thực hiện quy phạm pháp luật* [3]. Thiết nghĩ rằng, vấn đề về chế tài với ý nghĩa là một trong những bộ phận cấu thành của quy phạm pháp luật có khi còn bị nhầm lẫn với vấn đề phương tiện, cách thức đảm bảo bảo vệ chúng từ phía nhà nước, xã hội. Theo nghĩa hẹp, chế tài là bộ phận của quy phạm quy định biện pháp cưỡng chế nhà nước trong trường hợp có sự vi phạm. Trong những trường hợp khác, quy phạm không nêu chế tài cụ thể thì phải hiểu chủ thể vi phạm quy phạm pháp luật tương ứng vẫn phải chịu trách nhiệm pháp lý, nhà nước bao giờ cũng gánh trách nhiệm áp dụng biện pháp cưỡng chế để đảm bảo thực hiện quy phạm pháp luật. Không vì lý do, quy phạm pháp luật không quy định chế tài trực tiếp mà giải phóng trách nhiệm pháp lý của chủ thể vi phạm. Các biện pháp đảm bảo thực hiện pháp luật, quy phạm thì rất đa dạng, cả biện pháp cưỡng chế – chế tài, các biện pháp cưỡng chế nhà nước khác, thuyết phục, giáo dục, các đảm bảo pháp lý – xã hội nói chung vv... *Không nên đồng nhất giữa chế tài với các biện pháp đảm bảo thực hiện pháp luật.*

- Về mối quan hệ giữa quy phạm hành vi và các quy phạm chủ đạo, nguyên tắc, định nghĩa

Xét về phương diện điều chỉnh hành vi, trực tiếp hay gián tiếp về các quyền và nghĩa vụ, quy phạm pháp luật có hai

dạng: quy phạm hành vi và quy phạm chủ đạo, nguyên tắc, định nghĩa, định hướng cơ bản, chung. Quy phạm hành vi là quy phạm điều chỉnh trực tiếp, nêu quyền và nghĩa vụ, trong những tình huống cụ thể. Loại này chiếm đa phần trong hệ thống các quy phạm pháp luật. Còn các quy phạm chủ đạo, nguyên tắc, định nghĩa ít hơn nhiều. Nếu so sánh với các quy phạm hành vi thì loại quy phạm chủ đạo - nguyên tắc đó mang tính điều chỉnh gián tiếp do không quy định cụ thể về quyền, nghĩa vụ pháp lý. Loại quy phạm này quy định những nguyên tắc chủ đạo, định hướng cho toàn bộ cơ chế điều chỉnh pháp luật. Tất nhiên, dù trực tiếp hay gián tiếp thì trên thực tế chúng không phải là hai quá trình điều chỉnh tách biệt nhau mà đồng thời với nhau.

Các quy phạm xác định chủ đạo, nguyên tắc cũng tham gia vào cơ chế điều chỉnh pháp luật, tham gia trong sự thống nhất với các quy phạm hành vi. Nói là chúng tham gia một cách gián tiếp cũng được nếu so sánh với cách trực tiếp của quy phạm hành vi, nhưng nói là tham gia một cách trực tiếp thì cũng không sai bởi thực tế là trong khi vận dụng các quy phạm hành vi thì các chủ thể cũng nằm trong phạm vi điều chỉnh của các quy phạm nguyên tắc, chủ đạo. Ví như thực hiện các quy phạm về giao dịch hành chính hay dân sự, các chủ thể phải vận dụng nguyên tắc nhân đạo, nguyên tắc phù hợp đạo đức xã hội.

Các quy phạm xác định chủ đạo tham gia gián tiếp vào cơ chế điều chỉnh pháp luật, tham gia trong sự thống nhất với

các quy phạm hành vi. Các quy phạm hành vi cụ thể hoá, chi tiết hoá các quy phạm chủ đạo - nguyên tắc và phải dựa trên cơ sở các quy tắc chủ đạo - nguyên tắc đó. Thật khó có thể tán đồng với quan điểm cho rằng: chỉ có các quy phạm hành vi, có nêu quyền, nghĩa vụ chủ thể pháp luật mới được coi là quy phạm pháp luật, còn các loại quy phạm pháp luật nguyên tắc, chủ đạo không nên đưa vào phạm trù quy phạm pháp luật, nếu có chăng thì chúng phải thuộc loại quy phạm pháp luật *không đầy đủ*. Thực ra trong thực tế, quy phạm pháp luật hành vi đến lượt mình cũng chính là quy định pháp lý chung. Tính “cụ thể” và “chung” ở đây xâm nhập vào nhau, u thể là vì căn cứ vào việc quy phạm đó có quy định cụ thể về quyền, nghĩa vụ của chủ thể pháp luật. Còn chung là vì chúng được áp dụng chung. Nguyên tắc nhân đạo, nguyên tắc bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của cá nhân trong pháp luật chẳng hạn, phải là “quy phạm” được áp dụng mỗi khi áp dụng các quy phạm hành vi - quy phạm cụ thể. Có thể coi đây như là tinh thần pháp luật, nguyên tắc pháp luật có hiệu lực bắt buộc. Tinh thần hay nguyên tắc pháp luật này, không nhất thiết phải được nhắc lại trong những quy phạm cụ thể, đồng thời cũng không vì lý do không được ghi trong quy phạm cụ thể mà bỏ qua.

Liên hệ vào lĩnh vực luật hiến pháp, bên cạnh những quy định xác định các phương án xử sự cụ thể của công dân và các chủ thể pháp luật khác, còn chứa đựng các quy định mang tính cương lĩnh, nguyên tắc, nhưng tất cả chúng đều có

vai trò đặc biệt trong cơ chế điều chỉnh pháp luật. Nhiều ý kiến cho rằng, đa phần các quy định - các điều luật của Hiến pháp không mang tính quy phạm vì không quy định trực tiếp, cụ thể các quyền và nghĩa vụ của các chủ thể pháp luật. Theo chúng tôi, tất cả các quy định hiến pháp đều mang tính quy phạm. Bản thân các quy định nguyên tắc, chủ đạo của hiến pháp cũng có tính quy phạm - đó là sự tổng hợp khái quát cao đối với các phạm trù pháp lý cơ bản của các quan hệ xã hội... Sự hiện diện trong hiến pháp những quy định nguyên tắc, định nghĩa, cương lĩnh không làm mất đi tính quy phạm của chúng.

Tính quy phạm của các quy định Hiến pháp thể hiện ở sự khái quát, tổng hợp chung những quan hệ xã hội cơ bản nhất, xác định một khung pháp lý cho việc xây dựng những quy định pháp lý khác. Trong thực tiễn, các quy định nguyên tắc của Hiến pháp luôn là yêu cầu bắt buộc, định hướng, chỉ đạo đối với bất kỳ một chủ thể nào của các quan hệ pháp luật. Nguyên tắc bao giờ cũng mang tính quy phạm và chính ở điểm này mà nguyên tắc khác với một chỉ đạo đơn giản

trong thực tiễn. Nguyên lý này rất quan trọng trong lập pháp và thực tiễn áp dụng pháp luật. Cần đứng trên phương diện triết học để tư duy, tiếp cận vấn đề tương quan giữa “nguyên tắc” và “quy tắc”. Tính chất “chung” và “riêng” của chúng chỉ mang tính tương đối, không nên đối lập hai phạm trù này. Nguyên tắc bao giờ cũng hiện hữu trong việc thực hành các quy tắc và quy tắc cụ thể là sự thể hiện, bổ sung, kiểm định, nuôi dưỡng các nguyên tắc. Ví như công bằng, hợp lý với tư cách là một trong những nguyên tắc cơ bản của pháp luật, tại sao lại không được, không thể tồn tại trong các quan hệ pháp luật, bất luận cơ sở, điều kiện của quan hệ pháp luật đó là quy phạm - quy tắc pháp luật cụ thể nào?

Thực tế đã cho thấy, sự điều chỉnh pháp luật sẽ không thực hiện được nếu thiếu sự kết hợp, bổ sung lẫn nhau giữa các quy phạm nguyên tắc, chủ đạo chung với các quy phạm pháp luật hành vi. Trong sự điều chỉnh pháp luật bao giờ cũng có sự kết hợp tác động của quy phạm nguyên tắc, chủ đạo, quy phạm định nghĩa với quy phạm hành vi - quy phạm điều chỉnh trực tiếp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Giáo trình Lý luận chung về nhà nước và pháp luật của Khoa Luật*, Đại học quốc gia Hà nội, NXB ĐHQG HN, 2005, tr.380 -391.
2. M. A. Mialeva, *Hiến pháp xã hội chủ nghĩa*, NXB Pháp lý, Matxcova, 1981, tr.131-135 (Tiếng Nga)
3. Nguyễn Quốc Hoàn, Về cơ cấu quy phạm pháp luật, *Tạp chí Luật học*, 4/2000.

ABOUT THE STRUCTURE OF LEGAL NORMS AND RELATIONSHIP BETWEEN BEHAVIOURAL AND DECISIVE LEGAL NORMS

Assoc.Prof. Dr. Hoang Thi Kim Que

Faculty of Law, Vietnam National University, Hanoi

Researching legal norms plays an important role in building the awareness of obeying law. The clearance, transparency, popularity, straightforwardness, maneuverableness is extremely important in legislating and implementing. The author analyzed the structure of legal norms, commented on theoretical schools of thoughts with her own opinion. In addition, she also stated the relationship between behavioural and decisive legal norms. These legal norms impacted each other in the process of adjusting social relationships. Moreover, the author also showed her own opinion about legal principles and regulations, that we should not be in opposition to these categories. The paper was connected to Constitutional legal norms to make it clear these issues.